

Số: 135/2020/CBTT-TAS.AIRS

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Đồng kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TASECO

Mã chứng khoán: AST

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, Tòa nhà N02 – T1, khu Đoàn ngoại giao, phố Đỗ Nhuận, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 – 3587 6683

Fax: 024 – 3587 6678

Người được ủy quyền công bố thông tin: ông Đào Tiến Dương

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco công bố:

- Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

- Công văn giải trình biến động KQKD năm 2019 trên BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã được kiểm toán.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco vào ngày 16/03/2020.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu gửi kèm:

- BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2019.

- Công văn giải trình biến động KQKD năm 2019 trên BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã được kiểm toán

Trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như trên
- Thư ký HĐQT, VT



Đào Tiến Dương

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 40

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 8 tháng 7 năm 2019.

Theo Công văn số 6411/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng. Ngày 26 tháng 12 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ dịch vụ quảng cáo;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch	
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch	
Ông Lars Kjaer	Thành viên	
Ông Đào Tiến Dương	Thành viên	
Ông Seon Han Bae	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2019
Ông Lê Đức Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Loan	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Bà Đặng Kim Ngân	Thành viên

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hoàng Thị Sáng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Đức Long	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 5 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 12 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61311118/21043098

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (“Công ty”) được lập ngày 12 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1




Ngô Thị Phương Nhung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3069-2019-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		198.259.755.940	54.404.786.149
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	135.721.553.739	16.034.392.726
111	1. Tiền		77.327.814.573	16.034.392.726
112	2. Các khoản tương đương tiền		58.393.739.166	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	30.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.727.488.562	26.167.808.696
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	8.816.300.436	11.884.071.698
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	138.170.227	2.914.725.130
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	1.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	8.773.017.899	10.369.011.868
140	IV. Hàng tồn kho	9	12.107.490.331	10.787.251.122
141	1. Hàng tồn kho		12.107.490.331	10.787.251.122
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.703.223.308	1.415.333.605
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	2.011.744.478	1.410.687.241
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		691.478.830	4.646.364
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		455.454.754.508	497.820.017.857
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		617.875.341	150.220.439.740
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	617.875.341	150.220.439.740
220	II. Tài sản cố định		46.278.245.629	41.186.010.416
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	46.117.967.857	41.051.334.652
222	Nguyên giá		74.816.982.163	58.774.664.918
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(28.699.014.306)	(17.723.330.266)
227	2. Tài sản cố định vô hình		160.277.772	134.675.764
228	Nguyên giá		388.342.000	258.342.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(228.064.228)	(123.666.236)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		4.252.028.588	2.908.933.940
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	4.252.028.588	2.908.933.940
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	398.899.997.356	298.567.177.614
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	205.899.997.356	131.924.427.614
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	13.2	80.000.000.000	160.642.750.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.3	113.000.000.000	6.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.406.607.594	4.937.456.147
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	5.406.607.594	4.937.456.147
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		653.714.510.448	552.224.804.006

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		135.956.196.862	81.197.224.811
310	I. Nợ ngắn hạn		135.956.196.862	43.197.224.811
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	19.232.667.827	14.438.349.429
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	3.660.928.709	2.152.892.921
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.998.906.939	5.207.593.690
314	4. Phải trả người lao động		13.668.554.800	11.344.011.887
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		142.928.924	96.458.891
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	90.800.934.408	873.589.732
320	7. Vay ngắn hạn	17	3.451.026.480	7.895.740.678
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		248.775	1.188.587.583
330	II. Nợ dài hạn		-	38.000.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	-	38.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		517.758.313.586	471.027.579.195
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	517.758.313.586	471.027.579.195
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		450.000.000.000	360.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	360.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		67.758.313.586	111.027.579.195
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		67.758.313.586	111.027.579.195
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		653.714.510.448	552.224.804.006

Phạm Trí Hoàng
Người lập

Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

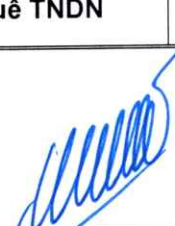
Ngày 12 tháng 3 năm 2020


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	286.850.568.188	265.827.860.566
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	286.850.568.188	265.827.860.566
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(124.701.885.741)	(128.913.102.217)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		162.148.682.447	136.914.758.349
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	162.307.260.577	120.623.121.422
22	7. Chi phí tài chính	21	(4.321.441.988)	(948.589.332)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(120.678.322)	(585.578.368)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(77.242.490.414)	(61.525.427.897)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(36.062.579.606)	(29.901.585.434)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		206.829.431.016	165.162.277.108
31	11. Thu nhập khác		74.692.389	1.534.648.897
32	12. Chi phí khác		(347.982.328)	(63.826.729)
40	13. Lợi nhuận khác		(273.289.939)	1.470.822.168
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		206.556.141.077	166.633.099.276
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(10.740.535.994)	(10.988.430.233)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		195.815.605.083	155.644.669.043


Phạm Trí Hoàng
Người lập


Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng


Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		206.556.141.077	166.633.099.276
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		11.609.917.342	9.561.869.557
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		16.946.016	16.113.315
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(161.995.938.657)	(120.672.419.108)
06	Chi phí lãi vay		120.678.322	585.578.368
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		56.307.744.100	56.124.241.408
09	Giảm các khoản phải thu		245.848.900	2.954.502.838
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(1.320.239.209)	1.137.838.218
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		11.949.451.938	(6.754.889.646)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(1.070.208.684)	3.219.702.875
14	Tiền lãi vay đã trả		(120.678.322)	(585.578.368)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.085.854.246)	(9.342.191.263)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.247.209.500)	(3.400.798.900)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		46.658.854.977	43.352.827.162
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(16.954.576.807)	(23.816.767.657)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		90.909.091	4.331.173.470
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(175.000.000.000)	(21.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		151.220.439.740	15.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.020.500.000)	(100.642.750.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.687.680.258	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		165.466.013.968	113.635.021.675
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		131.489.966.250	(12.493.322.512)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		3.451.026.480	27.423.916.649
34	Tiền trả nợ gốc vay		(7.895.740.678)	(33.831.775.971)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(54.000.000.000)	(72.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(58.444.714.198)	(78.407.859.322)
50	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		119.704.107.029	(47.548.354.672)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		16.034.392.726	63.598.860.713
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(16.946.016)	(16.113.315)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	135.721.553.739	16.034.392.726

Phạm Trí Hoàng
Người lập

Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 8 tháng 7 năm 2019.

Theo Công văn số 6411/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng. Ngày 26 tháng 12 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ dịch vụ quảng cáo;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 431 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 418 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 5 công ty con, bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng (“Công ty Taseco Đà Nẵng”)	99,9%	99,9%	Số 99 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn (“Công ty Taseco Sài Gòn”)	65%	65%	Số 28/1/21 Huỳnh Lan Khanh, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm; dịch vụ đón tiễn; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch; đại lý thu đổi ngoại tệ; dịch vụ quảng cáo.
3	Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng (“Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng”)	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 5 công ty con, bao gồm: (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco ("Công ty Taseco Media")	99,9%	99,9%	Tầng 1 tòa N02-T1, Khu Đoàn Ngoại Giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo, viễn thông, khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống.
5	Công Ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco ("Công ty Jalux Taseco")	51%	51%	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Kinh doanh bán hàng miễn thuế, các dịch vụ phụ trợ khác.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 12 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hàng hóa với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	5 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

(*) Một số nhà cửa, vật kiến trúc nhận góp vốn từ công ty mẹ được ghi nhận và trích khấu hao theo thời gian khấu hao còn lại từ 1 đến 5 năm.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế của mỗi hợp đồng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. NGHIỆP VỤ MUA CÔNG TY CON TRỌNG YẾU TRONG NĂM

4.1 Mua thêm sở hữu trong Công ty Jalux Taseco

Trong tháng 3 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 2% vốn điều lệ của Công ty Jalux Taseco, với giá phí chuyển nhượng là 4.020.500.000 VND. Thông qua giao dịch này, Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Jalux Taseco lên 51% và Công ty Jalux Taseco trở thành công ty con của Công ty.

Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0107001334 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Công ty mua Công ty Jalux Taseco với mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh tại các sân bay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.260.462.940	2.027.802.054
Tiền gửi ngân hàng	76.067.351.633	14.006.590.672
Các khoản tương đương tiền (*)	58.393.739.166	-
TỔNG CỘNG	<u>135.721.553.739</u>	<u>16.034.392.726</u>

(*) Bao gồm 58 tỷ VND các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng và hưởng lãi suất từ 5% đến 5,5%/năm.

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:		
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2018 thực hiện năm 2019	(90.000.000.000)	-

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm và hưởng lãi suất 6,8%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	3.838.860.000	3.225.600.000
Công ty Cổ phần Toàn Thắng	3.377.077.777	760.146.666
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.367.229.139	1.855.076.146
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	233.133.520	6.043.248.886
TỔNG CỘNG	<u>8.816.300.436</u>	<u>11.884.071.698</u>

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

-

-

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế AIC Việt Nam	-	1.780.867.350
Công ty Cổ phần Hợp tác Quốc tế V-S-F Architects	-	747.889.786
Các khoản trả trước khác	138.170.227	385.967.994
TỔNG CỘNG	<u>138.170.227</u>	<u>2.914.725.130</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Dự thu lãi tiền gửi, trái phiếu ngân hàng	3.814.403.793	-	178.949.543	-
Đặt cọc cho một khoản đầu tư ngắn hạn	3.156.300.000	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	239.832.711	-	617.333.070	-
Lãi phải thu từ khoản vốn góp hợp tác đầu tư (Thuyết minh số 25) (*)	-	-	6.179.616.172	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.104.095.895	-	2.768.784.314	-
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	458.385.500	-	624.328.769	-
TỔNG CỘNG	8.773.017.899	-	10.369.011.868	-
Dài hạn				
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (Thuyết minh số 25) (*)	-	-	150.220.439.740	-
Đặt cọc thuê mặt bằng	617.875.341	-	-	-
TỔNG CỘNG	617.875.341	-	150.220.439.740	-

(*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2018/HTĐT/TASECO LAND – TASECO.AIRS ký ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco (“Taseco Land”), Công ty đã góp 150,2 tỷ VND vào Dự án Hạ Long – Quảng Ninh.

Cũng theo hợp đồng hợp tác đầu tư này, Công ty Taseco Land sẽ phải trả Công ty khoản lãi tính trên số dư vốn góp nếu dự án chậm khởi công. Theo đó, số tiền lãi phải trả tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 6,2 tỷ VND.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, Công ty và Công ty Taseco Land đã ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư nói trên và Công ty Taseco Land phải trả cho Công ty khoản lãi do dự án chậm khởi công tính tới ngày 9 tháng 4 năm 2019 là 10,48 tỷ VND.

Trong quý 3 năm 2019, Công ty Taseco Land đã thanh toán cho Công ty toàn bộ số tiền góp vốn và lãi sử dụng vốn liên quan đến hợp đồng này.

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng hóa, nguyên vật liệu	11.962.954.803	-	10.676.061.664	-
Công cụ, dụng cụ	144.535.528	-	111.189.458	-
TỔNG CỘNG	12.107.490.331	-	10.787.251.122	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.114.413.647	635.046.509
Chi phí bảo hiểm tài sản	252.473.918	293.174.074
Chi phí sửa chữa	309.954.701	190.375.893
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	334.902.212	292.090.765
TỔNG CỘNG	<u>2.011.744.478</u>	<u>1.410.687.241</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	4.876.813.796	4.379.653.044
Chi phí sửa chữa	252.206.345	140.485.979
Chi phí trả trước dài hạn khác	277.587.453	417.317.124
TỔNG CỘNG	<u>5.406.607.594</u>	<u>4.937.456.147</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phòng chờ Lucky Premium Lounge	4.252.028.588	1.423.089.190
Nhà hàng Lucky Nội địa tại Sân bay Vân Đồn	-	1.485.844.750
TỔNG CỘNG	<u>4.252.028.588</u>	<u>2.908.933.940</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm:	22.547.057.389	3.324.699.391	31.784.450.138	1.118.458.000	58.774.664.918
- Mua trong năm	-	882.054.967	3.129.640.000	-	4.011.694.967
- Đầu tư XDCB hoàn thành	12.952.951.299	-	-	-	12.952.951.299
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(922.329.021)	-	(922.329.021)
Số cuối năm	35.500.008.688	4.206.754.358	33.991.761.117	1.118.458.000	74.816.982.163
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	75.743.313	1.564.653.100	-	-	1.640.396.413
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	4.325.044.201	1.643.476.900	11.512.525.034	242.284.131	17.723.330.266
- Khấu hao trong năm	6.100.982.390	766.299.033	4.388.016.267	250.221.660	11.505.519.350
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(529.835.310)	-	(529.835.310)
Số cuối năm	10.426.026.591	2.409.775.933	15.370.705.991	492.505.791	28.699.014.306
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	18.222.013.188	1.681.222.491	20.271.925.104	876.173.869	41.051.334.652
Số cuối năm	25.073.982.097	1.796.978.425	18.621.055.126	625.952.209	46.117.967.857

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
Đầu tư vào công ty con	13.1	205.899.997.356	131.924.427.614	
Đầu tư vào công ty liên kết	13.2	80.000.000.000	160.642.750.000	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.3	113.000.000.000	6.000.000.000	
TỔNG CỘNG		398.899.997.356	298.567.177.614	

13.1 Đầu tư vào công ty con

	Số lượng cổ phiếu/% sở hữu	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Số lượng cổ phiếu/% sở hữu		Giá gốc	Dự phòng
Công ty Taseco Đà Nẵng	1.998.000	19.980.000.000	-	(*)	1.998.000	19.980.000.000	-	(*)
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	100%	105.000.000.000	-	(*)	100%	105.000.000.000	-	(*)
Công ty Taseco Sài Gòn	650.000	6.500.000.000	-	(*)	650.000	6.500.000.000	-	(*)
Công ty Taseco Media	1.498.500	444.427.614	-	(*)	1.498.500	444.427.614	-	(*)
Công ty Jalux Taseco	51%	73.975.569.742	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		205.899.997.356	-			131.924.427.614	-	

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty con này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết và tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: VND

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm			
			Giá gốc (VND)	Dự phòng	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam ("Công ty VinaCS")	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Sản xuất món ăn, thực ăn chế biến sẵn, dịch vụ ăn uống cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không và các dịch vụ phụ trợ khác.	80.000.000.000	-	26,67% (*)	80.000.000.000	-	26,67% (*)
Công Ty Jalux Taseco	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Kinh doanh bán hàng miễn thuế và các dịch vụ phụ trợ khác.	-	-	-	80.642.750.000	-	49% (*)
TỔNG CỘNG			80.000.000.000			160.642.750.000		

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty liên kết này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	100.000.000.000	100.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Đầu tư trái phiếu (ii)	13.000.000.000	13.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	113.000.000.000	113.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn 18 tháng hưởng lãi suất 6,5%/năm.

(ii) Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank") với kỳ hạn 7 năm đến 10 năm, bao gồm:

- 600 trái phiếu có kỳ hạn 10 năm, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu với lãi suất bằng lãi suất tham chiếu cộng thêm 0,8% - 1,2%/năm, đáo hạn từ tháng 11 năm 2027 đến tháng 6 năm 2028.
- 700 trái phiếu có kỳ hạn 07 năm, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu với lãi suất bằng lãi suất tham chiếu cộng thêm 1%/năm, đáo hạn từ tháng 9 năm 2026 đến tháng 10 năm 2026. Lãi suất tham chiếu là lãi suất thả nổi của Vietinbank, có điều chỉnh định kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	1.326.792.786	1.326.792.786	952.264.593	952.264.593
Công ty TNHH Thời Trang Cá Sấu Hoa Cà	1.173.826.760	1.173.826.760	1.126.069.748	1.126.069.748
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Châu Thông	878.512.194	878.512.194	1.341.695.065	1.341.695.065
Phải trả đối tượng khác	10.204.043.194	10.204.043.194	9.041.931.295	9.041.931.295
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	5.649.492.893	5.649.492.893	1.976.388.728	1.976.388.728
TỔNG CỘNG	19.232.667.827	19.232.667.827	14.438.349.429	14.438.349.429

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	1.624.572.043
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.085.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	930.666.666	-
Khách hàng khác	20.690.000	560.180.878
TỔNG CỘNG	3.660.928.709	2.152.892.921

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.996.704.966	10.758.928.469	(13.085.854.246)	2.669.779.189
Thuế thu nhập cá nhân	119.234.000	2.150.119.665	(1.333.788.610)	935.565.055
Thuế giá trị gia tăng	91.654.724	12.561.492.849	(11.259.584.878)	1.393.562.695
Các loại thuế khác	-	19.598.969	(19.598.969)	-
TỔNG CỘNG	5.207.593.690	25.490.139.952	(25.698.826.703)	4.998.906.939

16. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	423.000.000	383.000.000
Các khoản phải trả khác	521.822.708	483.589.732
Cổ tức phải trả (*)	20.471.111.700	-
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	69.385.000.000	7.000.000
TỔNG CỘNG	90.800.934.408	873.589.732
Dài hạn		
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư với Taseco Oceanview Đà Nẵng (**) (Thuyết minh số 25)	-	38.000.000.000
TỔNG CỘNG	-	38.000.000.000

(*) Đây là số tiền chia cổ tức đợt 1 năm 2019 theo nghị quyết HĐQT (Thuyết minh số 18.1).

(**) Đây là khoản nhận góp vốn từ Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 50B/2017/HTDT/TASECO.ĐN-TASECO.NB ngày 20 tháng 3 năm 2017 để cùng với Công ty hợp tác kinh doanh tại lô đất H33 và H30 thuộc khu Hỗn Hợp Bán đảo 2 – Khu Đô thị Dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do Taseco Land, công ty cùng Tập đoàn, làm chủ đầu tư.

Như trình bày tại Thuyết minh số 8, Công ty đã thanh lý hợp đồng Hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty Taseco Land. Vì vậy, Công ty đã thanh lý hợp đồng Hợp tác đầu tư với Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng nói trên vào ngày 21 tháng 8 năm 2019. Theo đó, Công ty phải trả cho Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng một khoản chi phí sử dụng vốn với số tiền là 4,1 tỷ VND như trình bày tại Thuyết minh số 21.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn								
Vay ngân hàng	7.895.740.678	7.895.740.678	3.451.026.480	(7.895.740.678)	3.451.026.480	3.451.026.480	3.451.026.480	
TỔNG CỘNG	7.895.740.678	7.895.740.678	3.451.026.480	(7.895.740.678)	3.451.026.480	3.451.026.480	3.451.026.480	

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	3.451.026.480		Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Gốc vay đáo hạn từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2020.	6,5%	Tin chấp
TỔNG CỘNG	3.451.026.480				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Vốn cổ phần đã phát hành</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước			
Số đầu năm	360.000.000.000	32.027.319.123	392.027.319.123
Lợi nhuận thuần trong năm	-	155.644.669.043	155.644.669.043
Chia cổ tức bằng tiền	-	(72.000.000.000)	(72.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(4.420.502.885)	(4.420.502.885)
Giảm khác	-	(223.906.086)	(223.906.086)
Số cuối năm	<u>360.000.000.000</u>	<u>111.027.579.195</u>	<u>471.027.579.195</u>
Năm nay			
Số đầu năm	360.000.000.000	111.027.579.195	471.027.579.195
Lợi nhuận thuần trong năm	-	195.815.605.083	195.815.605.083
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	90.000.000.000	(90.000.000.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	(144.000.000.000)	(144.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(4.827.870.692)	(4.827.870.692)
Giảm khác	-	(257.000.000)	(257.000.000)
Số cuối năm	<u>450.000.000.000</u>	<u>67.758.313.586</u>	<u>517.758.313.586</u>

(*) Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 9 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức và trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối như sau:

- ▶ chia cổ tức đợt 1 cho năm 2018 bằng tiền với số tiền là 54 tỷ VND;
- ▶ chia cổ tức đợt 2 cho năm 2018 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 4:1 (tương đương với 9.000.000 cổ phiếu có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu). Công ty đã nhận được Quyết định thay đổi đăng ký niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 6 năm 2019 và vốn cổ phần của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã tăng lên 450 tỷ VND; và
- ▶ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 4,82 tỷ VND.

Theo Nghị quyết số 07A/2019/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 10 năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức chia cổ tức đợt 1 năm 2019 bằng tiền với tỉ lệ 20%, tương ứng 90 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018		Đơn vị tính: VND	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số		Cổ phiếu thường
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long ("Taseco Group")	229.500.000.000	229.500.000.000	-	231.000.000.000	231.000.000.000	-
Cổ đông khác	220.500.000.000	220.500.000.000	-	129.000.000.000	129.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	450.000.000.000	450.000.000.000	-	360.000.000.000	360.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	360.000.000.000	360.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	90.000.000.000	-
Số cuối năm	<u>450.000.000.000</u>	<u>360.000.000.000</u>
Cổ tức đã công bố	234.000.000.000	72.000.000.000

18.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	144.000.000.000	72.000.000.000
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2017: 2.000 VND/cổ phiếu	-	72.000.000.000
Cổ tức cho năm 2018 lần 1: 1.500 VND/cổ phiếu	54.000.000.000	-
Cổ tức cho năm 2018 lần 2: bằng cổ phiếu	90.000.000.000	-
Cổ tức đã công bố và chưa trả trong năm	90.000.000.000	-
Tạm ứng cổ tức cho năm 2019 lần 1: 2.000 VND/cổ phiếu	90.000.000.000	-

18.5 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	45.000.000	36.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	45.000.000	36.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	36.000.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	36.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	36.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2018: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	286.850.568.188	265.827.860.566
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	122.902.919.116	135.402.309.453
Doanh thu cung cấp dịch vụ	163.947.649.072	130.425.551.113
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	286.850.568.188	265.827.860.566
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán hàng	122.902.919.116	135.402.309.453
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	163.947.649.072	130.425.551.113
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	282.451.217.569	262.209.552.046
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	4.399.350.619	3.618.308.520

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	152.900.691.511	111.709.699.204
Lãi từ khoản vốn góp hợp tác đầu tư (**)	4.300.831.768	6.179.616.172
Lãi cho vay, tiền gửi, trái phiếu	5.095.999.998	2.728.600.783
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.737.300	5.205.263
TỔNG CỘNG	162.307.260.577	120.623.121.422

(*) Bao gồm cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con.

(**) Đây là khoản lãi tính trên số dư góp vốn do Công ty Taseco Land chậm khởi công dự án hợp tác đầu tư tại Quảng Ninh (Thuyết minh số 8).

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	46.144.082.357	59.244.485.451
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	78.557.803.384	69.668.616.766
TỔNG CỘNG	124.701.885.741	128.913.102.217

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí sử dụng vốn phải trả cho khoản nhận vốn góp đầu tư dự án Hạ Long (*)	4.078.657.534	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	122.106.132	363.010.964
Chi phí lãi vay	120.678.322	585.578.368
TỔNG CỘNG	<u>4.321.441.988</u>	<u>948.589.332</u>

(*) Đây là chi phí sử dụng vốn phải trả cho khoản vốn góp nhận từ Công ty Ocean View theo biên bản thanh lý Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 50B/2017/HTDT/TASECO.ĐN-TASECO.NB như đã trình bày tại Thuyết minh số 16.

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	33.235.917.875	28.087.374.452
Chi phí thuê kho, mặt bằng	21.414.480.841	15.708.077.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.053.573.112	9.674.197.234
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.858.549.982	4.717.621.837
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.359.815.133	2.949.330.380
Chi phí khác bằng tiền	320.153.471	388.826.654
TỔNG CỘNG	<u>77.242.490.414</u>	<u>61.525.427.897</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	20.122.761.555	17.475.629.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.252.462.646	7.979.218.064
Chi phí thuê kho, mặt bằng	1.963.972.000	2.017.553.901
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.089.835.847	945.451.024
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.023.267.042	769.867.534
Chi phí quản lý khác	610.280.516	713.865.876
TỔNG CỘNG	<u>36.062.579.606</u>	<u>29.901.585.434</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	88.385.269.087	89.769.987.736
Chi phí nhân công	69.339.094.456	59.829.916.298
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.609.917.342	9.561.869.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.188.988.211	36.490.373.979
Chi phí thuê mặt bằng	23.553.252.678	23.434.099.041
Chi phí khác	930.433.987	1.253.868.937
TỔNG CỘNG	<u>238.006.955.761</u>	<u>220.340.115.548</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.740.535.994	10.988.430.233
TỔNG CỘNG	10.740.535.994	10.988.430.233

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	206.556.141.077	166.633.099.276
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	41.311.228.215	33.326.619.855
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.389.203	3.222.663
Chi phí không được khấu trừ khác	9.279.541	9.166.290
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước thực hiện trong năm nay	(3.222.663)	(8.638.734)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(30.580.138.302)	(22.341.939.841)
Chi phí thuế TNDN	10.740.535.994	10.988.430.233

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND			
			Năm nay	Năm trước		
Taseco Group	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả bằng tiền	80.550.000.000	43.200.000.000		
		Cổ tức đã trả bằng tiền	34.650.000.000	43.200.000.000		
		Cổ tức trả bằng cổ phiếu	57.750.000.000	-		
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	489.795.104	426.089.572		
		Thu hồi khoản vốn góp hợp tác đầu tư	-	150.220.439.740		
		Mua tài sản cố định, công cụ dụng cụ	-	648.110.858		
		Doanh thu từ hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm	-	240.000.000		
		Phí nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Jalux Taseco	-	80.592.750.000		
		Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Cổ tức được chia	10.940.771.769	73.836.699.204
				Chuyển tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	660.000.000	885.538.631
Doanh thu bán hàng	1.531.818			-		
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.184.233.233			-		
Trả tiền gốc vốn góp của hợp đồng hợp tác đầu tư	38.000.000.000			-		
Chi phí sử dụng vốn phải trả cho khoản nhận vốn góp đầu tư dự án Hạ Long	4.078.657.534			-		
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con			Cổ tức được chia	119.880.000.000	36.963.000.000
				Chuyển tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	1.920.203.500	1.122.336.832
		Doanh thu bán hàng	738.939.107	187.375.864		
		Mua hàng hóa, dịch vụ	2.639.801.149	-		
Công ty Taseco Media	Công ty con	Thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ	-	14.252.960.941		
		Thu tiền thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ	5.953.476.386	-		
		Mua TSCĐ, công cụ dụng cụ	1.355.350.066	-		
		Mua hàng hóa, dịch vụ	15.290.037.625	14.139.369.883		
		Thanh toán tiền mua hàng và dịch vụ	13.583.699.617	8.087.898.154		
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.264.699.109	1.226.278.629		
		Cho vay	-	6.300.000.000		
		Thu hồi gốc vay	-	6.300.000.000		
Cổ tức được chia	9.990.000.000	-				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Cổ tức được chia	8.450.000.000	910.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	594.302.628	5.636.364
		Mua hàng hóa, dịch vụ	919.811.819	-
		Thanh toán tiền cung cấp dịch vụ	576.000.000	-
		Chuyển tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	127.000.000	-
		Chuyển trả tiền đặt cọc	762.078.240	-
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	491.105.510	630.825.806
Công ty Jalux Taseco	Công ty con	Lợi nhuận được chia trước khi mua cổ phần của Công ty Jalux Taseco lần đầu	10.687.680.258	-
		Lợi nhuận được chia kể từ ngày mua cổ phần của Công ty Jalux Taseco lần đầu	3.639.919.742	-
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Cho vay	11.000.000.000	53.000.000.000
		Thu hồi gốc vay	12.000.000.000	52.000.000.000
		Góp vốn	-	20.000.000.000
		Lãi cho vay	81.643.835	623.506.851
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	233.712.989	92.544.193
Công ty Taseco Land	Công ty cùng tập đoàn	Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	150.220.439.740
		Thu hồi vốn góp hợp đồng hợp tác đầu tư	150.220.439.740	-
		Thu tiền lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	10.480.447.940	-
		Lãi từ khoản vốn góp hợp tác đầu tư	4.300.831.768	6.179.616.172
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.861.955	46.108.635
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng tập đoàn	Chi phí thuê vị trí quảng cáo	-	1.115.687.335
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	107.409.089	86.130.002
Quỹ Penm IV Germany GmbH & Co. KG	Cổ đông	Cổ tức phải trả bằng tiền	23.170.000.000	11.580.000.000
		Cổ tức đã trả bằng tiền	8.685.000.000	11.580.000.000
		Cổ tức trả bằng cổ phiếu	14.475.000.000	-
Quỹ Stic Pan-Asia	Cổ đông	Chia cổ tức	9.000.000.000	-
Các bên liên quan khác	Công ty trong cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	398.993.310	677.319.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng, cung cấp dịch vụ và mua hàng, sử dụng dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo hợp đồng và thỏa thuận giữa các bên.

Ngoài các khoản phải thu về hợp tác đầu tư như được trình bày tại Thuyết minh số 8, số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa trích lập bất cứ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (năm 2018: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của các bên liên quan và thị trường mà các bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i>				
Công ty Taseco Media	Công ty con	Phải thu từ thanh lý tài sản	-	5.953.476.386
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.375.000	62.076.400
Taseco Group	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.028.395	13.396.100
Công ty Taseco Land	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.337.975	-
Công ty Jalux Taseco	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.052.150	5.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.600.000	5.200.000
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc Tế	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.200.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.600.000	2.800.000
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.940.000	600.000
			233.133.520	6.043.248.886
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty Taseco Land	Công ty cùng tập đoàn	Lãi từ khoản vốn góp hợp tác đầu tư	-	6.179.616.172
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Lãi cho vay phải thu	-	623.506.851
Công ty Taseco Media	Công ty con	Lãi cho vay phải thu	15.393.500	821.918
Taseco Group	Công ty mẹ	Phải thu tiền chi hộ	442.992.000	-
			458.385.500	6.803.944.941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty Taseco Land	Công ty cùng tập đoàn	Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	150.220.439.740
			-	150.220.439.740
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)</i>				
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.724.159.775	1.573.188.728
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	804.960.000	403.200.000
Công ty Taseco Media	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.120.373.118	-
			5.649.492.893	1.976.388.728
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)</i>				
Taseco Group	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	45.900.000.000	-
Quỹ Penm IV Germany GmbH & Co. KG	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	14.485.000.000	-
Quỹ Stic Pan-Asia	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	9.000.000.000	-
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Phải trả khác	-	7.000.000
			69.385.000.000	7.000.000
<i>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 16)</i>				
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Nhận vốn góp cho hợp đồng hợp tác đầu tư	-	38.000.000.000
			-	38.000.000.000

Nghiệp vụ với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	2.463.926.000	1.980.000.000
Thu nhập khác	126.640.000	105.420.000
TỔNG CỘNG	2.590.566.000	2.085.420.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT

Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga T1 và T2 – Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam có thời hạn đến ngày 14 tháng 6 năm 2023;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga Vân Đồn – Cảng Hàng không Quốc tế Vân Đồn với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vân Đồn – Chi nhánh Cảng Hàng không Quốc tế Vân Đồn có thời hạn đến ngày 30 tháng 9 năm 2022; và
- ▶ Một số hợp đồng thuê hoạt động khác.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	30.943.995.787	21.026.719.200
Từ 1 - 5 năm	27.526.799.578	24.030.496.800
TỔNG CỘNG	<u>58.470.795.365</u>	<u>45.057.216.000</u>

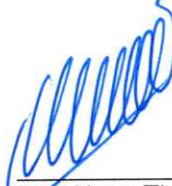
27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Trong tháng 1 năm 2020, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức tạm ứng lần 1 cho năm 2019 cho các cổ đông với số tiền là 90 tỷ VND.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Phạm Trí Hoàng
Người lập



Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2020